

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 08/2019/HNGĐ-PT

Ngày: 23-7-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con,
chia tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền

Các Thẩm phán:

Bà: Nguyễn Thị Bích Đào

Bà Trương Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoa, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Yến, Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2019/TLPT-HNGĐ ngày 17/6/2019; do có kháng cáo của bị đơn anh Trương Văn V đối với bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 08/5/2019 của TAND Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXX-PT ngày 05/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Lê Thị Kim Y**, sinh năm 1987

Nghề nghiệp: Cán bộ Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Hà Tĩnh

Trú tại: số 02A, ngõ 62, đường M, khối phố 9, phường T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

Bị đơn: Anh **Trương Văn V**, sinh năm 1987

Nghề nghiệp: Cán bộ Phòng an ninh nội bộ Công an tỉnh Hà Tĩnh

Trú tại: số 02A, ngõ 62, đường M, khối phố 9, phường T, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Lê Xuân Đ**, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 85, đường H, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh (Có mặt).

2. **Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội**; Địa chỉ: 21, Cát Linh, quận

Đông Đa, thành phố Hà Nội.

- Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Hữu Đ – Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Lê T, Phó phòng khách hàng cá nhân chi nhánh Hà Tĩnh – Ngân hàng TMCP Quân đội (theo văn bản ủy quyền số 7953/UQ-MB-HS ngày 22/7/2019), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2019/HNGD-ST ngày 08/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh và các tài liệu có tại hồ sơ, vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn chị Lê Thị Kim Y trình bày:

Chị và anh Trương Văn V kết hôn vào ngày 07/12/2011, đăng ký kết hôn tại UBND phường Bắc Hà, thành phố Hà Tĩnh, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung với bố mẹ chồng tình cảm vợ chồng ổn định vui vẻ. Năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chồng có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác, về nhà thường xuyên đánh đập. Ngày 25/6/2018 anh V tiếp tục đánh đập nên chị cùng đứa con sau về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay. Nay không còn tình cảm xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trương Lê T, sinh ngày 26/3/2014 và Trương Lê B, sinh ngày 05/11/2016. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung là Trương Lê B, anh Trương Văn V nuôi dưỡng con chung Trương Lê T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Chị công tác tại Công ty TNHH một thành viên xổ số kiến thiết Hà Tĩnh, thu nhập mỗi tháng trên 8.000.000 đồng.

Về tài sản: Anh chị được bố mẹ chồng cho thừa đất diện tích 198,8m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng trên đất, nhà đổ bằng diện tích 108m² tại số 02a, ngõ 62, đường M, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Đề nghị giao nhà đất cho anh V và anh V đưa lại cho chị 1/2 giá trị tài sản.

Về nợ chung: Vợ chồng vay 600.000.000 đồng Ngân hàng TMCP Quân đội (sau đây viết tắt là Ngân hàng) thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của vợ chồng để làm nhà, vay tín chấp 100.000.000 đồng. Vay của ông Lê Xuân Đ 400.000.000 đồng để xây nhà. Đề nghị chia đôi nghĩa vụ trả nợ.

Về nợ riêng: Anh Trương Văn V vay ông Lê Xuân Đ 100.000.000 đồng, anh V có nghĩa vụ trả nợ riêng.

Bị đơn anh Trương Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn đúng như chị Lê Thị Kim Y trình bày, trong cuộc sống có những va chạm này kia, nhưng chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn, anh không muốn ly hôn và không muốn chia rẽ con cái. Từ tháng 6/2018 đến nay vợ và con sau về nhà ngoại sống, những dịp lễ tết anh mua hoa và vàng tặng vợ vẫn nhận và cùng vợ con đi chơi. Anh cho rằng

động cơ ly hôn chia tài sản của chị Y là không trong sáng đề nghị Tòa án xem xét, anh không đồng ý ly hôn còn nếu chị Y kiên quyết ly hôn, thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trương Lê T, sinh ngày 26/3/2014 và Trương Lê B, sinh ngày 05/11/2016. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn vợ nuôi cả hai con, hoặc anh nuôi cả hai con. Trường hợp anh nuôi con không yêu cầu chị Y cấp dưỡng, chị Y nuôi con anh cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Anh là chiến sỹ Công an công tác tại Phòng an ninh nội bộ Công an tỉnh Hà Tĩnh, thu nhập mỗi tháng 11.000.000 đồng.

Về tài sản: Anh chị được bố mẹ chồng cho thừa đất diện tích 198,8m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2013 xây nhà đồ bằng diện tích 108m² tại số 02a, ngõ 62, đường Mai Thúc Loan, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, ngoài ra không có tài sản gì khác. Đề nghị xem xét nguồn gốc phân chia nhà đất cho vợ chồng theo tỷ lệ 7/3, nhà có hai phòng ngủ và có thể cả hai người cùng sử dụng được.

Về nợ chung: Vợ chồng vay 600.000.000 đồng Ngân hàng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của vợ chồng để làm nhà, vay tín chấp 100.000.000 đồng. Khi làm nhà bố vợ là ông Lê Xuân Đ cho 400.000.000 đồng nhưng ông yêu cầu viết giấy vay để cho có trách nhiệm nên anh viết giấy vay của ông Lê Xuân Đ 400.000.000 đồng, ông Đ yêu cầu trả anh chấp nhận. Ngoài ra anh vay nợ riêng của ông Lê Xuân Đ 100.000.000 đồng. Đề nghị phân chia nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật.

- Tại bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân Đ trình bày: Ông là bố đẻ của chị Lê Thị Kim Y. Ngày 11/5/2015 anh V và chị Y vay của ông 400.000.000 đồng để làm nhà. Năm 2017 anh V vay số tiền 100.000.000 đồng để làm việc riêng, khi vay không thỏa thuận lãi suất, nay vợ chồng không hòa hợp ly hôn đề nghị anh V, chị Y trả lại 400.000.000 đồng, anh V trả khoản tiền nợ riêng 100.000.000 đồng, không lấy lãi suất và không yêu cầu lãi suất chậm thi hành án.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Xuân Đ chị Lê Thị Kim Y trình bày: Ngoài số tiền cho anh chị vay 400.000.000 đồng vay để làm nhà, năm 2017 anh V có việc cần vay của ông Đ 100.000.000 đồng không lấy lãi, nay yêu cầu anh V trả 100.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất chậm thi hành án.

- Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Quân đội ông Nguyễn Phan Khanh trình bày:

Ngày 03/8/2016 ông Trương Văn V và bà Lê Thị Kim Y ký hợp đồng tín dụng số 51381.16.758.2845526.TD với Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh Hà Tĩnh vay số tiền 600.000.000 đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua nhà và đất, thời hạn vay 120 tháng, lãi suất 8,5%/năm. Để đảm bảo cho khoản vay ông V và bà Y thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn

liền với đất số CD 939480 mang tên Trương Văn V và Lê Thị Kim Y. Tính đến ngày 08/5/2019 còn nợ 449.832.778 đồng, trong đó nợ gốc: 440.000.000 đồng, nợ lãi 3.232.778 đồng, phí 6.600.000 đồng. Ngày 07/5/2018 bà Lê Thị Kim Y ký hợp đồng cho vay kiêm văn bản nhận nợ số 592.18.758.3985424.TD vay 100.000.000 đồng, vay tín chấp, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất 14%/năm. Tính đến ngày 08/5/2019 còn nợ 77.013.565 đồng, trong đó nợ gốc 75.004.000 đồng, nợ lãi 509.485 đồng, phí 1.500.080 đồng. Theo hợp đồng tín dụng trường hợp nếu vợ chồng ly hôn thì phải trả **nợ. Ngân hàng yêu cầu anh Trương Văn V và chị Lê Thị Kim Y tất toán khoản vay trước hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký, Ngân hàng yêu cầu giao tài sản thế chấp để Ngân hàng yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý thu hồi các khoản nợ nói trên.**

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 08/5/2019 của TAND thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 37, 45, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 474, 476, 351, 355, 715, 716, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 463, 466, 317, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 92; khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Kim Y được ly hôn anh Trương Văn V.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Lê Bảo Uyên, sinh ngày 05/11/2016 cho chị Lê Thị Kim Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Trương Lê Tường Vy, sinh ngày 26/3/2014 cho anh Trương Văn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Giao anh Trương Văn V được quyền sử dụng đất thừa quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14 có diện tích 198,8m², đông giáp đường dân phố rộng 2,58m+5,58m, phía bắc giáp đất ông Trương Văn Hiến dài 24,05m, phía tây giáp mương thoát nước rộng 8,56m, phía nam giáp đất ông Hồ Việt Anh dài 17,26m+5,62m, tại tổ dân phố 9, phường Tân Giang, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh đã được UBND thành phố Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất số CDD939480 ngày 18/7/2016 mang tên ông Trương Văn V và bà Lê Thị Kim Y trị giá 1.455.067.500 đồng.

Anh Trương Văn V có nghĩa vụ giao lại cho chị Lê Thị Kim Y 741.090.000 đồng tiền chênh lệch tài sản và chênh lệch trả nợ chung.

- Chị Lê Thị Kim Y được nhận 741.090.000 đồng tiền chênh lệch tài sản và chênh lệch trả nợ do anh Trương Văn V giao lại.

4. Về nợ chung:

- Buộc chị Lê Thị Kim Y phải trả cho Ngân hàng TMCP Quân đội tổng cộng: 77.013.565 đồng, trong đó: 75.004.000 đồng tiền nợ gốc, 509.485 đồng nợ lãi và 1.500.080 phí, trả cho ông Lê Xuân Đ 400.000.000 đồng.

- Buộc anh Trương Văn V phải trả cho Ngân hàng TMCP Quân đội tổng cộng: 449.832.778 đồng, trong đó: 440.000.000 đồng tiền nợ gốc, 3.232.778 đồng nợ lãi và 6.600.080 phí.

Ngân hàng TMCP Quân đội có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, diện tích 198,8m², đông giáp đường dân phố rộng 2,58m+5,58m, phía bắc giáp đất ông Trương Văn H dài 24,05m, phía tây giáp mương thoát nước rộng 8,56m, phía nam giáp đất ông Hồ V dài 17,26m+5,62m, tại số nhà 02A, ngõ 62, đường Mai Thúc Loan, tổ dân phố 9, phường Tân Giang, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, đã được UBND thành phố Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất số CDD939480 ngày 18/7/2016 mang tên ông Trương Văn V và bà Lê Thị Kim Y.

- Buộc anh Trương Văn V phải trả cho ông Lê Xuân Đ 100.000.000 đồng nợ riêng.

Kể từ ngày 09/5/2019 anh Trương Văn V còn phải chịu lãi suất, phí thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 51381.16.758.2845526.TD, chị Lê Thị Kim Y còn phải chịu lãi suất, phí thỏa thuận theo hợp đồng cho vay kiêm văn bản nhận nợ số 592.18.758.3985424.TD mà anh V và chị Y đã ký kết với Ngân hàng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Lê Thị Kim Y có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trương Văn V không thi hành được tiền chênh lệch tài sản, chênh lệch trả nợ chung, thì hàng tháng anh Trương Văn V còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

5. Về án phí:

Chị Lê Thị Kim Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 56.180.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 56.480.000 đồng, nhưng được trừ 8.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, còn phải nộp tiếp 47.780.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trương Văn V phải chịu 59.093.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019, bị đơn anh Trương Văn V kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm cụ thể: Đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, bác yêu cầu ly hôn của nguyên đơn và xem xét lại nguồn gốc tài sản.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh sau khi nhận xét về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán chủ tọa, HĐXX, thư ký phiên tòa và các bên đương sự đã đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Trương Văn V. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 08-5-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác,

NHẬN ĐỊNH:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật và thụ lý giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã **xác định đúng, đầy đủ tư cách của những người tham gia tố tụng. Đơn kháng cáo của bị đơn anh Trương Văn V làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.**

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị đơn anh Trương Văn V Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Kim Y và anh Trương Văn V kết hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Lê Thị Kim Y, Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng chị Y và anh V chung sống hạnh phúc thời gian đầu. Thời gian gần đây đã xảy ra mâu thuẫn, chị Y đã đưa theo con thứ hai về ngoại sống vợ chồng ly thân từ tháng 6 năm 2018 đến nay. Anh V cho rằng việc mâu thuẫn không đến mức trầm trọng phải ly hôn và không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên chị Y khẳng định không còn tình cảm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chị Lê Thị Kim Y yêu cầu xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Anh Trương Văn V và chị Lê Thị Kim Y có hai con chung. Xét về điều kiện nuôi con sau ly hôn thì Anh V và chị Y đều đáp ứng được những điều kiện cơ bản để nuôi con, đều có công việc và thu nhập, chỗ ở ổn định, có tình yêu thương và trách nhiệm đối với con cái. Trong thời gian ly thân chị Y nuôi con Trương Lê B, anh V nuôi con Trương Lê T. Tại phiên tòa anh V đề nghị người nào nuôi thì nuôi cả hai con, nhưng chị Y không nhất trí. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con sau ly hôn là nguyện vọng chính đáng và phải được xem xét một cách bình đẳng. Mặt khác nếu giao cả hai cháu cho một bên thì cũng sẽ khó khăn cho bên trực tiếp nuôi dưỡng con. Do đó, giao mỗi bên được trực tiếp nuôi 01 con chung là hợp tình, hợp lý và hai bên không phải

cấp dưỡng nuôi con cho nhau là phù hợp Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về Tài Sản: Tài sản chung là thửa đất có diện tích 198,8m². Nguồn gốc thửa đất do ông Trương Văn Hiền và bà Nguyễn Thị Hòa là bố mẹ anh Trương Văn V tặng cho. Trên đất có nhà đồ bằng diện tích 108m² tại địa chỉ số 02a, ngõ 62, đường Mai Thục Loan, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh đã được UBND thành phố Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số CDD939480 ngày 18/7/2016. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ trên đất có nhà đồ bằng có 02 phòng ngủ, 02 phòng vệ sinh, 01 phòng khách, bếp là khối tài sản thống nhất, kiên cố không thể chia rời nếu chia cho hai người cùng sử dụng thì sẽ không đảm bảo được sinh hoạt. Chị Y đồng ý giao nhà đất cho anh V và yêu cầu anh V trả lại cho chị Y ½ tổng giá trị tài sản. Do đó cấp sơ thẩm giao anh V được quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất và buộc anh V phải có nghĩa vụ giao lại khoản tiền chênh lệch tài sản cho chị Y là phù hợp tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.4] Về nợ riêng: Khoản vay 100.000.000 đồng của ông Lê Xuân Đ anh V thừa nhận là nợ riêng nên anh V phải có trách nhiệm trả khoản nợ này là phù hợp Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình và các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự.

[2.5] Về nợ chung: Chị Y và anh V thừa nhận tổng nợ chung của Ngân hàng và nợ ông Lê Xuân Đ là 926.846.536 đồng, cụ thể: Anh Trương Văn V và chị Lê Thị Kim Y ký hợp đồng tín dụng số 51381.16.758.2845526.TD ngày 03/8/2016 với ngân hàng, tính đến ngày 08/5/2019 còn dư nợ 449.832.778 đồng, trong đó nợ gốc: 440.000.000 đồng, nợ lãi 3.232.778 đồng, phí 6.600.000 đồng. Hợp đồng cho vay kèm văn bản nhận nợ số 592.18.758.3985424.TD ngày 07/5/2018, tính đến ngày 08/5/2019 còn dư nợ 77.013.565 đồng, trong đó nợ gốc 75.004.000 đồng, nợ lãi 509.485 đồng, phí 1.500.080 đồng. Ngày 11/5/2015 vay của ông Lê Xuân Đ số tiền là 400.000.000 đồng. Xét cần chia đôi nghĩa vụ trả nợ cho cả chị Y và anh V và HĐXX thấy rằng do khoản vay theo hợp đồng cho vay kèm văn bản nhận nợ số 592.18.758.3985424.TD vay tín chấp hàng tháng do chị Lê Thị Kim Y trả và khoản nợ 400.000.000 đồng vay của ông Lê Xuân Đ là bố đẻ của chị Y nên, để thuận lợi cho việc trả nợ sau này nên giao trách nhiệm trả hai khoản nợ này cho chị Y. Nợ theo hợp đồng tín dụng số 51381.16.758.2845526.TD vay thế chấp nhà đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 51380.16.758.2845526.BĐ ngày 03/8/2016, do đã giao quyền sử dụng đất cho anh V nên giao cho anh V có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp.

Kể từ ngày 09/5/2019 anh Trương Văn V còn phải chịu lãi suất và các chi phí thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 51381.16.758.2845526.TD, chị Lê Thị Kim Y còn phải chịu lãi suất và các chi phí thỏa thuận theo hợp đồng cho vay kèm văn bản nhận nợ số 592.18.758.3985424.TD mà chị Y và anh V đã ký kết với Ngân hàng. Ông Lê Xuân Đ không yêu cầu lãi suất chậm thi hành án nên miễn xét.

Ngân hàng TMCP Quân đội có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14 có diện tích 198,8m² tại số nhà 02A, ngõ 62, đường Mai Thúc Loan, tổ dân phố 9, phường Tân Giang, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Do chị Lê Thị Kim Y có nghĩa vụ trả nợ chung nhiều hơn anh Trương Văn V 27.180.787 đồng nên anh V phải đưa lại cho chị Y 13.590.000 đồng để chị Y trả nợ cộng với tiền chia tài sản chung anh V phải đưa lại chị Y 727.500.000 đồng. Tổng cộng anh V phải đưa lại cho chị Y 741.090.000 đồng chênh lệch tài sản và trả nợ.

Từ những vấn đề đã phân tích, HĐXX nhận thấy kháng cáo của anh Trương Văn V là không có cơ sở chấp nhận.

Về án phí: Người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn anh Trương Văn V. Giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 08-5-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 37, 45, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 474, 476, 351, 355, 715, 716, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 463, 466, 317, khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 92; khoản 1, 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Lê Thị Kim Y được ly hôn anh Trương Văn V.

2. Về con chung: Giao con chung Trương Lê B, sinh ngày 05/11/2016 cho chị Lê Thị Kim Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao con chung Trương Lê T, sinh ngày 26/3/2014 cho anh Trương Văn V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản:

- Giao anh Trương Văn V được quyền sử dụng đất thửa quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14 có diện tích 198,8m², đông giáp đường dân phố rộng 2,58m+5,58m, phía bắc giáp đất ông Trương Văn Hiền dài 24,05m, phía tây giáp mương thoát nước rộng 8,56m, phía nam giáp đất ông Hồ Việt Anh dài 17,26m+5,62m, tại tổ dân phố 9, phường Tân

Giang, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh đã được UBND thành phố Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất số CDD939480 ngày 18/7/2016 mang tên ông Trương Văn V và bà Lê Thị Kim Y trị giá 1.455.067.500 đồng.

Anh Trương Văn V có nghĩa vụ giao lại cho chị Lê Thị Kim Y 741.090.000 đồng tiền chênh lệch tài sản và chênh lệch trả nợ chung.

- Chị Lê Thị Kim Y được nhận 741.090.000 đồng tiền chênh lệch tài sản và chênh lệch trả nợ do anh Trương Văn V giao lại.

4. Về nợ chung:

- Buộc chị Lê Thị Kim Y phải trả cho Ngân hàng TMCP Quân đội tổng cộng: 77.013.565 đồng, trong đó: 75.004.000 đồng tiền nợ gốc, 509.485 đồng nợ lãi và 1.500.080 phí, trả cho ông Lê Xuân Đ 400.000.000 đồng.

- Buộc anh Trương Văn V phải trả cho Ngân hàng TMCP Quân đội tổng cộng: 449.832.778 đồng, trong đó: 440.000.000 đồng tiền nợ gốc, 3.232.778 đồng nợ lãi và 6.600.080 phí.

Ngân hàng TMCP Quân đội có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, diện tích 198,8m², đông giáp đường dân phố rộng 2,58m+5,58m, phía bắc giáp đất ông Trương Văn Hiến dài 24,05m, phía tây giáp mương thoát nước rộng 8,56m, phía nam giáp đất ông Hồ Việt Anh dài 17,26m+5,62m, tại số nhà 02A, ngõ 62, đường Mai Thúc Loan, tổ dân phố 9, phường Tân Giang, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh, đã được UBND thành phố Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền với đất số CDD939480 ngày 18/7/2016 mang tên ông Trương Văn V và bà Lê Thị Kim Y.

- Buộc anh Trương Văn V phải trả cho ông Lê Xuân Đ 100.000.000 đồng nợ riêng.

Kể từ ngày 09/5/2019 anh Trương Văn V còn phải chịu lãi suất, phí thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 51381.16.758.2845526.TD, chị Lê Thị Kim Y còn phải chịu lãi suất, phí thỏa thuận theo hợp đồng cho vay kiêm văn bản nhận nợ số 592.18.758.3985424.TD mà anh V và chị Y đã ký kết với Ngân hàng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và chị Lê Thị Kim Y có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trương Văn V không thi hành được tiền chênh lệch tài sản, chênh lệch trả nợ chung, thì hàng tháng anh Trương Văn V còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

5. Về án phí: Buộc chị Lê Thị Kim Y phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 56.180.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng 56.480.000 đồng, nhưng được trừ 8.700.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, còn phải nộp tiếp 47.780.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Trương Văn V phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm (đã nộp 300.000 đồng tại biên lai 0001206 ngày 27/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh) và phải chịu 59.093.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND thành phố Hà Tĩnh;
- Chi cục THA.DS thành phố Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Hiền

0